**CÂU HỔI THAM KHẢO ÔN TẬP CUỐI HỌC II**

**MÔN: CÔNG NGHỆ - THIẾT KẾ VÀ CÔNG NGHỆ KHỐI 10**

**Câu 1:** **Hình chiếu nào sau đây giúp người xem dễ hình dung hình dạng của vật thể hơn?**

A. Hình chiếu vuông góc B. Hình chiếu mặt cắt

C. Hình chiếu trục đo D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 2:** **Hình chiếu trục đo là gì?**

A. Hình biến đổi từ hình cắt vào trung tâm của vật thể.

B. Hình biểu diễn đồng thời cả ba chiều của vật thể.

C. Hình biểu diễn đồng thời toàn bộ mặt phẳng của một vật thể.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 3:** **Hình chiếu trục đo được xây dựng bằng:**

A. Phép chiếu song song B. Phép chiếu không song song

C. Phép chiếu vuông góc mặt phẳng D. Cả B và C.

**Câu 4:** **Các góc trục đo của hình chiếu trục đo vuông góc đều có đo là bao nhiêu?**

A. 90o. B. 120o. C. 150o. D. 180o.

**Câu 5: Đối với hình chiếu trục đo vuông góc đều, hình chiếu trục đo của hình tròn nằm trong các mặt phẳng song song với các mặt phẳng toạ độ là:**

A. Các hình tròn B. Các hình elip C. Các hình vuông D. Các hình không biến dạng

**Câu 6:** **Bước đầu tiên khi vẽ hình chiếu trục đo vuông góc đều là gì?**

A. Thêm các khối B. Bớt các khối

C. Dựng trục đo và khối hộp bao ngoài D. Xoá bỏ nét khuất, nét thừa và nét phụ.

**Câu 7:** **Trong hình chiếu trục đo vuông góc đều, có thể thay hình elip bằng hình nào?**

A. Hình ovan B. Hình vuông C. Hình tròn D. Hình tam giác

**Câu 8:** **Hình chiếu trục đo là hình chiếu thu được khi:**

A. Chiếu vật thể cùng hệ toạ độ vuông góc theo một phương chiếu song song với các trục toạ độ lên mặt phẳng hình chiếu.

B. Chiếu vật thể cùng hệ toạ độ vuông góc theo một phương chiếu không song song với các trục toạ độ lên mặt phẳng hình chiếu.

C. Chiếu vật thể cùng hệ thống các đường cơ bản của vật thể và hệ toạ độ 3D lên một mặt phẳng và biểu diễn.

D. Cả B và C.

**Câu 9:** **Hệ số biến dạng của hình chiếu trục đo xiên góc cân là:**

A. p = q = r = 0.82 B. p = q = r = 1 C. p = 0.5, q = r = 1 D. p = r = 1, q = 0.5

**Câu 10:** **Đối với hình chiếu trục đo xiên góc cân, hình chiếu trục đo của hình tròn nằm trong các mặt phẳng song song với mặt phẳng toạ độ xOz có đặc điểm gì?**

A. Biến thành hình elip B. Biến thành hình vuông

C. Biến thành hình chữ nhật D. Không biến dạng.

**Câu 11:** **Bước đầu tiên khi vẽ hình chiếu trục đo xiên góc cân là gì?**

A. Thiết lập ảnh thực vật thể B. Dựng một phương thẳng đứng theo cạnh của ảnh thực

C. Dựng trục đo và khối hộp bao ngoài D. Xoá bỏ nét khuất, nét thừa và nét phụ.

**Câu 12: Đâu là một lưu ý khi vẽ hình chiếu trục đo?**

A. Phải thể hiện đầy đủ nét khuất, nét phụ trên hình chiếu.

B. Không thể hiện nét đứt trên hình chiếu trục đo.

C. Cần sử dụng bút mực để vẽ các đường khuất.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 13:** Hình chiếu thu được trên mặt phẳng (P’) theo phương chiếu S thể hiện mấy chiều của vật thể?



A. Một B. Hai C. Ba D. Bốn

**Câu 14:** **Xem hình ảnh ở câu 1 phần Vận dụng. Các trục O’x’, O’y’, O’z’ được gọi là:**

A. Các trục đo B. Các trục cơ bản

C. Các đường chiếu D. Các phương thẳng

**Câu 15:** **Xem hình ảnh ở câu 1 phần Vận dụng. Các góc** $\hat{x^{'}O^{'}y^{'}}$**,** $\hat{x^{'}O^{'}z^{'}}$**,** $\hat{z^{'}O^{'}y^{'}}$ **gọi là:**

A. Các góc trục đo B. Các góc trục cơ bản

C. Các góc đường chiếu D. Các góc đa chiều

**Câu 16:** **Xem hình ảnh ở câu 1 phần Vận dụng. Tỉ số** $\frac{O^{'}A^{'}}{OA}=p$**,** $\frac{O^{'}B^{'}}{OB}=q$**,** $\frac{O^{'}C^{'}}{OC}=r$ **gọi là:**

A. Tỉ lệ đường tương ứng. B. Hệ số chiếu góc cơ bản theo các trục O’x’, O’y’, O’z’.

C. Hệ số biến dạng theo các trục O’x’, O’y’, O’z’. D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 17:** **Xem hình ảnh ở câu 1 phần Vận dụng. Chiều dài các đoạn OA, OB, OC và chiều dài các đoạn O’A’, O’B’, O’C’ có bằng nhau không?**

A. Có vì hình chiếu trục đo giữ nguyên các tính chất của hình ảnh thực tế.

B. Có vì hình chiếu chỉ là một phương thức biểu diễn, nó không làm thay đổi đi các đặc điểm thực tế.

C. OA = O’A’, OB = O’B’ còn OC ≠ O’C’ vì bị biến dạng khi chiếu lên mặt phẳng.

D. Không vì chúng đã bị biến dạng để khi chiếu lên mặt phẳng.

**Câu 18:** **Đâu là loại hình chiếu phối cảnh?**

A. Hình chiếu phối cảnh một điểm tụ. B. Hình chiếu phối cảnh hai điểm tụ.

C. A và B đúng. D. A và B sai.

**Câu 19:** **Bước 3 của vẽ hình chiếu phối cảnh một điểm tụ:**

A. Vẽ hình chiếu đứng của vật thể.

B. Vẽ hình chiếu phối cảnh của các đường thẳng vuông góc với mặt tranh.

C.Vẽ đường chân trời.

D. Đưa độ rộng vào hình chiếu phối cảnh.

**Câu 20:**  **Có bao nhiêu bước vẽ hình chiếu phối cảnh hai điểm tụ:**

A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

**Câu 21:** **Bước 2 của vẽ hình chiếu phối cảnh một điểm tụ:**

A. Vẽ hình chiếu đứng của vật thể. B. Chọn điểm tụ.

C.Vẽ đường chân trời. D. Đưa độ rộng vào hình chiếu phối cảnh.

**Câu 22:** **Bước 4 của vẽ hình chiếu phối cảnh một điểm tụ:**

A. Vẽ hình chiếu đứng của vật thể.

B. Vẽ hình chiếu phối cảnh của các đường thẳng vuông góc với mặt tranh.

C. Hoàn thiện hình. D. Đưa độ rộng vào hình chiếu phối cảnh.

**Câu 23:** **Khái niệm hình chiếu phối cảnh:**

A. Là hình biểu diễn hai chiều của vật thể và được xây dựng bằng phép chiếu song song.

B. Là hình biểu diễn đồng thời cả ba chiều của vật thể và được xây dựng bằng phép chiếu song song.

C. Là hình biểu diễn được xây dựng bằng phép chiếu xuyên tâm với tâm chiếu là điểm nhìn, mặt phẳng hình chiếu là một mặt phẳng thẳng đứng được gọi là mặt tranh.

D. Đáp án khác.

**Câu 24:** **Bước 1 của vẽ hình chiếu phối cảnh một điểm tụ:**

A. Vẽ hình chiếu đứng của vật thể. B. Chọn điểm tụ.

C.Vẽ đường chân trời. D. Đưa độ rộng vào hình chiếu phối cảnh.

**Câu 25:**  **Khái niệm hình chiếu phối cảnh một điểm tụ:**

A. Hình biểu diễn được xây dựng bằng phép chiếu xuyên tâm.

B. Nhận được khi mặt tranh song song với một mặt của vật thể.

C. Nhận được khi mặt tranh không song song với một mặt nào của vật thể.

D. Đáp án khác.

**Câu 26:** **Đặc điểm cơ bản của hình chiếu phối cảnh:**

A. Tạo cho người xem cảm giác về khoảng cách xa gần giống như khi quan sát trong thực tế.

B. Tạo cho người xem cảm giác về khoảng cách giữa các vật thể được thu nhỏ.

C. Tạo cho người xem cảm giác các vật thể được phóng to so với thực tế.

D. Đáp án khác.

**Câu 27:** **Bước 5 của vẽ hình chiếu phối cảnh một điểm tụ:**

A. Vẽ hình chiếu đứng của vật thể.

B. Vẽ hình chiếu phối cảnh của các đường thẳng vuông góc với mặt tranh.

C. Hoàn thiện hình.

D. Đưa độ rộng vào hình chiếu phối cảnh.

**Câu 28:** **Các bước vẽ hình chiếu phối cảnh một điểm tụ:**

A. 3 bước. B. 4 bước. C. 5 bước. D. 6 bước.

**Câu 29:** **Hình chiếu phối cảnh thường được dùng để biểu diễn:**

A. Nhà cửa. B. Đê đập. C. Cầu đường. D. Cả 3 ý trên.

**Câu 30:** **Khái niệm hình chiếu phối cảnh hai điểm tụ:**

A. Hình biểu diễn được xây dựng bằng phép chiếu xuyên tâm.

B. Nhận được khi mặt tranh song song với một mặt của vật thể.

C. Nhận được khi mặt tranh không song song với một mặt nào của vật thể.

D. Đáp án khác.

**Câu 31:** **Hình chiếu phối cảnh là hình biểu diễn được xây dựng bằng phép chiếu:**

A. Song song B. Vuông góc C. Xuyên tâm D. Bất kì

**Câu 32:** **Câu nào sau đây không đúng về quy định biểu diễn đối với ren nhìn thấy?**

A. Đường đỉnh ren được vẽ bằng nét liền đậm.

B. Đường giới hạn ren được vẽ bằng nét liền đậm.

C. Đường chân ren được vẽ bằng nét liền đậm.

D. Vòng đỉnh ren được vẽ bằng nét liền đậm.

**Câu 33:** **Ren hệ mét được kí hiệu là gì?**

A. Metre B. M C. Sq D. Tr

**Câu 34:** **Ren xoắn phải thì ghi kí hiệu là gì?**

A. LH B. RH C. XP D. Không ghi hướng xoắn

**Câu 35:** **Ren trong là ren:**

A. Được hình thành ở mặt ngoài. B. Được hình thành ở mặt trong của chi tiết.

C. Ren tạo nên phương thức kết nối bán dẫn. D. Cả B và C.

**Câu 36:** **TCVN 5907:1995 trình bày về gì?**

A. Các quy định đặc thù về sản xuất chi tiết có ren ở Việt Nam.

B. Các quy định đặc thù về sản xuất chi tiết có ren trên thế giới.

C. Các quy định chung về biểu diễn ren và các chi tiết có ren trên bản vẽ kĩ thuật.

D. Các quy định chung về kiểu dáng và các thức đưa sản phẩm ren vào thị trường.

**Câu 37:** **Vòng chân ren của ren nhìn thấy được vẽ như thế nào?**

A. Vẽ hở bằng nét liền mảnh. B. Vẽ hở bằng nét liền đậm.

C. Vẽ kín bằng nét chấm gạch. D. Vẽ kín bằng nét đứt mảnh.

**Câu 38:** **Trường hợp ren bị che khuất thì:**

A. Các đường đỉnh ren, chân ren và giới hạn ren đều được vẽ bằng nét liền mảnh.

B. Các đường đỉnh ren, chân ren và giới hạn ren đều được vẽ bằng nét đứt mảnh.

C. Đường đỉnh ren và chân ren được vẽ liền mảnh còn giới hạn ren thì vẽ bằng nét đứt mảnh.

mảnh.

**Câu 39:** **Độ nhám bề mặt là gì?**

A. Là một trị số nói lên mức rắn chắc của bề mặt chi tiết.

B. Là một trị số nói lên độ nhấp nhô của bề mặt chi tiết.

C. Là mức độ an toàn của chi tiết sau khi gia công.

D. Là mức độ thích ứng với các bộ phận khác của một chi tiết sạu khi gia công.

**Câu 40:** **Dung sai kích thước là gì?**

A. Là tổng kích thước của chi tiết trước và sau quá trình gia công.

B. Là tổng các tính toán ban đầu về kích thước của một chi tiết sau khi gia công.

C. Là hiệu giữa trung bình kích thước của chi tiết sau mỗi lần gia công.

D. Là hiệu giữa kích thước giới hạn lớn nhất và kích thước giới hạn nhỏ nhất.

**Câu 41:** **Bản vẽ lắp được dùng làm gì?**

A. Làm hình ảnh minh hoạ trực quan các chi tiết của máy móc.

B. Làm tài liệu lắp đặt, điều chỉnh, vận hành và kiểm tra sản phẩm.

C. Làm thành phần đưa vào thực hiện khi gia công sản phẩm.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 42:** **Kí hiệu  có nghĩa là:**

A. Bề mặt sau khi gia công đạt độ nhám trung bình 6.3nm

B. Bề mặt sau khi gia công đạt độ nhám trung bình 6.3µm.

C. Bề mặt sau khi gia công đạt độ nhám tối đa 6.3µm.

D. Bề mặt sau khi gia công đạt độ nhám tối thiểu 6.3nm.

**Câu 43:** **Độ nhám càng nhỏ thì bề mặt:**

A. Càng nhấp nhô B. Càng nhẵn. C. Càng bền vững D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 44:** **Kí hiệu 56±0.1 khi ghi dung sai kích thước có nghĩa là:**

A. Kích thước ban đầu là 56.0; kích thước sau khi gia công nằm trong khoảng 55 đến 57.

B. Kích thước ban đầu là 56.0; kích thước sau khi gia công nằm trong khoảng 55.9 đến 56.1.

C. Kích thước giới hạn lớn nhất bằng 57; kích thước giới hạn nhỏ nhất bằng 55 và dung sai bằng 2.

D. Kích thước giới hạn lớn nhất bằng 56.1; kích thước giới hạn nhỏ nhất bằng 55.9 và dung sai bằng 0.2.

**Câu 45:** **Phương án biểu diễn một chi tiết cần phải thể hiện:**

A. Đầy đủ và rõ ràng hình dáng, cấu tạo bên ngoài và bên trong chi tiết.

B. Một phần nào đó cấu tạo bên ngoài và bên trong chi tiết.

C. Đầy đủ các yêu cầu kĩ thuật sao cho người xem có thể hiểu được.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 46:** **Đâu không phải một yêu cầu kĩ thuật thường thấy?**

A. Làm tù cạnh B. Mạ kẽm C. Tôi cứng D. Phá vỡ cấu trúc

**Câu 47:** **Bước đầu tiên khi đọc bản vẽ lắp là gì?**

A. Đọc nội dung khung tên, bảng kê B. Đọc nội dung khung tên, kích thước

C. Đọc giá thành và lịch sử phát triển. D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 48:** “**Đọc các kích thước để biết các kích thước lắp ghép của các chi tiết quan trọng trên bản vẽ lắp” là bước nào khi đọc bản vẽ lắp?**

A. Bước 1 B. Bước 2 C. Bước 3 D. Bước 4

**Câu 49:** **Bản vẽ lắp trình bày những gì?**

A. Kĩ thuật mô phỏng các chi tiết sau khi được gia công lắp với nhau.

B. Hình dạng và vị trí chính xác của toàn bộ các chi tiết được lắp với nhau.

C. Hình dạng và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết được lắp với nhau.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 50:** **Bản vẽ lắp được dùng làm gì?**

A. Làm hình ảnh minh hoạ trực quan các chi tiết của máy móc.

B. Làm tài liệu lắp đặt, điều chỉnh, vận hành và kiểm tra sản phẩm.

C. Làm thành phần đưa vào thực hiện khi gia công sản phẩm.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 51:** **Bảng kê trong bản vẽ lắp bao gồm những thông tin nào?**

A. Tên các chi tiết, số lượng và vật liệu chế tạo

B. Tên các chi tiết, quy trình thực hiện, thời gian thực hiện

C. Số lượng chi tiết, các xử lí chi tiết.

D. Vật liệu chế tạo, quy cách chế tạo, phương thức thể hiện

**Câu 52:** **Bước thứ hai khi đọc bản vẽ chi tiết là gì?**

A. Đọc các kích thước để biết các kích thước lắp ghép của các chi tiết quan trọng trên bản vẽ lắp.

B. Tìm hiểu nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, phân tích sự tương tác của các thành phần.

C. Phân tích hình biểu diễn để biết được các hình chiếu, hình cắt, mặt cắt,… để hình dung ra hình dạng, kết cấu của bộ phận lắp.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 53:** **Bước cuối cùng khi đọc bản vẽ lắp là gì?**

A. Phân tích chi tiết để biết được hình dạng của từng chi tiết và quan hệ lắp ghép giữa các chi tiết với nhau.

B. Chỉ ra đường bao của chi tiết càng đỡ, trục M8, bánh xe.

C. Tổng hợp lại để hiểu rõ toàn bộ bộ phận lắp.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 54:** **Số vị trí trên bản vẽ lắp có vai trò gì và được ghi như thế nào?**

A. Liệt kê ra công thức lắp ghép sản phẩm. Được ghi từ trên xuống dưới.

B. Liệt kê ra các thành phần của chi tiết. Được ghi từ dưới lên trên.

C. Thể hiện cấu trúc của chi tiết. Được ghi theo dạng bảng ngược.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 55:** **Đọc được bản vẽ lắp là hiểu được đầy đủ và chính xác các nội dung của bản vẽ lắp đó, bao gồm:**

A. Hiểu rõ được hình dáng, cấu tạo của từng chi tiết và chức năng của nó trong sản phẩm.

B. Hiểu rõ mối ghép của các chi tiết với nhau.

C. Nắm được nguyên lí làm việc, công dụng và trình tự tháo lắp của sản phẩm, các nội dung quản lí bản vẽ.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 56:** **Tại sao trên bản vẽ lắp không ghi kích thước của tất cả các chi tiết?**

A. Vì bản vẽ lắp không hướng tới việc chế tạo và kiểm tra một chi tiết như bản vẽ chi tiết.

B. Vì bản vẽ lắp được quy định như vậy.

C. Vì bản vẽ lắp cần cho thấy được những thứ khái quát thay vì những thứ chi tiết.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 57:** **Bản vẽ xây dựng là gì?**

A. Bản vẽ mô tả các công trình xây dựng nói chung như nhà dân dụng, nhà công nghiệp, cầu đường, bến cảng, công trình thuỷ lợi, .…

B. Bản vẽ mô tả các công trình dành cho các công ty, tổ chức lớn như Toà án Tối cao, Toà nhà Quốc hội, …

C. Loại bản vẽ dành riêng cho nhà dân dụng

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 58:** **Đâu không phải một loại bản vẽ xét theo tính chất của bản vẽ?**

A. Bản vẽ kiến trúc B. Bản vẽ kết cấu

C. Bản vẽ về điện D. Bản vẽ tốc độ xây dựng

**Câu 60:** **Đây là hình chiếu gì?**



A. Hình chiếu mặt bằng tổng thể

B. Hình chiếu phối cảnh

C. Hình chiếu thực tế

D. Hình chiếu đa chiều

**Câu 61:** **Mặt bằng các tầng của ngôi nhà là gì?**

A. Mặt thể hiện trình độ tư duy khoa học và tinh thần của người chủ nhà.

B. Số lượng các phòng tương ứng với kích thước của ngôi nhà.

C. Hình cắt bằng với các mặt phẳng cắt tưởng tượng nằm ngang đi qua cửa sổ (cách mặt sàn khoảng 1.5m)

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 62:** **Mặt đứng của ngôi nhà là gì?**

A. Là hình chiếu vuông góc của ngôi nhà lên mặt phẳng thẳng đứng để thể hiện hình dáng kiến trúc bên ngoài ngôi nhà.

B. Là hình cắt bằng với các mặt phẳng cắt tưởng tượng nằm ngang đi qua cửa sổ (vuông góc với mặt sàn)

C. Là hình cắt thu được khi dùng mặt phẳng cắt tưởng tượng thẳng đứng cắt qua không gian trống của ngôi nhà.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 63:** **Các hình vẽ cơ bản của hồ sơ kiến trúc không bao gồm:**

A. Bản vẽ mặt bằng tổng thể

B. Các hình chiếu thẳng góc của công trình bao gồm mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt.

C. Các bản vẽ thiết kế về đồ ăn, thức uống, nhu cầu giải trí,…

D. Các bản vẽ thể hiện các chi tiết kiến trúc, chi tiết cấu tạo,…

**Câu 64:** **Đâu là kí hiệu cửa đi đơn một cánh?**

A.  B. 

C.  D. 

**Câu 65:** **Đâu là kí hiệu của giường đôi?**

A.  B. 

C.  D. 

**Câu 66:** **Hình biểu diễn chính của một ngôi nhà là:**

A. Mặt bằng B. Mặt đứng C. Mặt cắt D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 67:** **Đâu là kí hiệu của vật liệu là kim loại?**

A.  B. C. D. 

**Câu 68:** **Đây là kí hiệu của đồ gì trong nhà?**



A. Bộ bàn ăn B. Bộ bàn ghế tiếp khách

C. Bồn cầu D. Chậu rửa

**Câu 69:** **Câu nào sau đây không đúng về bản vẽ nhà sau?**



A. Số phòng là 3. B. Chức năng của phòng khách là để tiếp khách

C. Bếp ăn có chiều dài là 7000, chiều rộng là 3000. D. Phòng vệ sinh có bồn cầu và bồn rửa.

**Câu 70:** **Vẽ kĩ thuật với sự trợ giúp của máy tính thực chất là gì?**

A. Sử dụng các phần mềm để hỗ trợ vẽ bằng tay.

B. Sử dụng các phần mềm để lập bản vẽ

C. Áp dụng trí tuệ nhân tạo để vẽ một cách nhanh chóng bản vẽ kĩ thuật.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 71:** **Các phần mềm thiết kế với sự hỗ trợ của máy tính được gọi là:**

A. Các phần mềm Photoshop B. Các phần mềm CAD

C. Các phần mềm Drawing D. Công cụ Painting

**Câu 72:** **Ưu điểm cơ bản của việc lập bản vẽ bằng máy tính là gì?**

A. Bản vẽ được lập một cách chính xác và nhanh chóng.

B. Dễ dàng sửa chữa, bổ sung, lưu trữ bản vẽ.

C. Chỉ cần một thao tác là có thể giải quyết tất cả.

D. Cả A và B.

**Câu 73:** **Các phần mềm CAD thường có hệ thống lệnh và cách thực hiện:**

A. Tương tự nhau. B. Khác nhau.

C. Có tính phân bậc giữa các phần mềm. D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 74:** ***Thực đơn* là thành phần nào trong AutoCAD?**

A. Phần có các biểu tượng, tương ứng với các lệnh.

B. Phần không gian lớn nhất ở trung tâm màn hình

C. Phần nằm dưới cùng của cửa sổ. D. Phần hàng chữ nằm trên cùng.

**Câu 77:** **Trong AutoCAD, dòng lệnh là nơi để:**

A. Hiện thị nội dung của bản vẽ, hệ toạ độ, con trỏ.

B. Nhập lệnh, nhập dữ liệu.

C. Phát triển công cụ hoặc tuỳ biến chương trình dành cho lập trình viên.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 78:** ***Centerpoint* là:**

A. Điểm đầu B. Trung điểm C. Tâm D. Giao điểm

**Câu 79:** **CAD là viết tắt của:**

A. Computer-Aided Design B. Computer-Aided Drawer

C. Computer-Assisted Diagram D. Computer-Assisted Desaturater

**Câu 80:** **Bước cuối cùng khi thiết lập bản vẽ bằng máy tính là gì?**

A. Tạo bản vẽ mới B. Phân tích bản vẽ và tiến hành vẽ.

C. Kết xuất bản vẽ D. Thiết lập các thông số ban đầu

**Câu 81:** **Trong AutoCAD, nút lệnh nào dùng để vẽ cung tròn?**

A.  B.  C.  D. 

**Câu 82. Thiết kế kĩ thuật có nguyên tắc nào sau đây?**

A. Nguyên tắc tối ưu B. Nguyên tắc phát triển bền vững

C. Cả A và B đều đúng D. Có mấy nguyên tắc phát triển bền vững?

**Câu 83. Có mấy nguyên tắc phát triển bền vững?**

A. tiết kiệm tài nguyên                     B. Tối thiểu tài chính

C. Bảo vệ môi trường                    D. cả 3 đáp án

**Câu 84**: **Nguyên tắc đơn giản hóa:**

A. Đưa ra giải pháp thiết kế sản phẩm với cùng một tính năng sử dụng có kết cấu càng đơn giản càng tốt để giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

B. Đưa ra giải pháp đáp ứng được nhiều tiêu chí thiết kế nhất

C. Đưa ra giải pháp để tạo ra sản phẩm có cùng tính năng nhưng có chi phí sản xuất, vận hành càng thấp càng tốt.

D. Thiết kế sản phẩm sao cho sử dụng ít vật liệu và tiêu tốn ít năng lượng.

**Câu 85:** **Trong lịch sử phát triển của nhân loại, thiết kế kĩ thuật có vai trò to lớn trong:**

A. Cải tạo thế giới, kiến tạo môi trường sống của con người.

B. Thay đổi cách đàn ông nhìn nhận về phụ nữ.

C. Sáng tạo nghệ thuật, hình thành tư tưởng nghệ thuật.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 86:** **Nguyên tắc tiết kiệm tài nguyên:**

A. Đưa ra giải pháp thiết kế sản phẩm với cùng một tính năng sử dụng có kết cấu càng đơn giản càng tốt để giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

B. Đưa ra giải pháp đáp ứng được nhiều tiêu chí thiết kế nhất

C. Đưa ra giải pháp để tạo ra sản phẩm có cùng tính năng nhưng có chi phí sản xuất, vận hành càng thấp càng tốt.

D. Thiết kế sản phẩm sao cho sử dụng ít vật liệu và tiêu tốn ít năng lượng.

**Câu 87:** **Sản phẩm thân thiện với môi trường cần đáp ứng tiêu chí nào sau đây?**

A. Sản phẩm tạo ra từ vật liệu thân thiện với môi trường hoặc vật liệu tái chế

B. Sản phẩm giảm tác động đến môi trường và sức khỏe con người trong quá trình sử dụng

C. Sản phẩm sau một thời gian sử dụng có thể tái chế hoặc dễ tiêu hủy

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 88:** **Nguyên tắc tối thiểu tài chính thể hiện ở điều gì?**

A. Việc sử dụng những nguyên vật liệu, nguồn nhân lực rẻ mạt, kém chất lượng.

B. Việc loại đi một vài quan chức nhỏ, không cần thiết khi đút lót.

C. Mục tiêu thiết kế sản phẩm chất lượng với chi phí tối thiểu.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 89:** Việc thiết kế dễ tháo rời, các khớp và mối lắp ráp dễ tháo bằng tay hoặc các dụng cụ đơn giản là biểu hiện của yếu tố nào?

A. Vật liệu B. Sản xuất C. Sử dụng D. Tái chế

**Câu 90:** **Vì sao tiết kiệm tài nguyên góp phần vào phát triển bền vững?**

A. Vì điều này đảm bảo cho việc tài nguyên luôn được dồi dào và tránh ô nhiễm môi trường.

B. Vì điều này giúp giảm chi phí dầu khí, kim loại, than đá.

C. Vì điều này gia tăng tổng sản lượng năng lượng của năng lượng xanh.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 91:** **Bước đầu tiên của thiết kế kĩ thuật là gì?**

A. Xác định vấn đề B. Xác định yêu cầu

C. Tìm hiểu tổng quan D. Đề xuất giải pháp

**Câu 92:** **Trong quá trình thiết kế, một số hoạt động được lặp đi lặp lại cho tới khi:**

A. nhiều lần B. Đạt kết quả mong muốn.

C. Sếp chấp nhận D. Ai đó đã làm được trước mình

**[Câu 93. Đâu là yêu cầu cần đáp ứng để thực hiện dự án: Thiết kế ngôi nhà của em?](https://hoc247.net/cau-hoi-dau-la-yeu-cau-can-dap-ung-de-thuc-hien-du-an-thiet-ke-ngoi-nha-cua-em-qid399463.html)**

A. Sử dụng đúng các tiêu chuẩn, kí hiệu về trình bày bản vẽ xây dựng.

B. Thẩm mỹ, phù hợp với văn hóa địa phương và xu hướng hiện đại

C. Các phòng được bố trí hợp lí, phù hợp với sinh hoạt của gia đình, đáp ứng đủ nhu cầu của từng thành viên

D. Cả 3 đáp án trên

**[Câu 94. Sau khi thực hiện "Xác định số lượng, diện tích của từng phòng và các vật dụng cần thiết cho mỗi loại phòng" ta sẽ làm gì tiếp theo?](https://hoc247.net/cau-hoi-sau-khi-thuc-hien-xac-dinh-so-luong-dien-tich-cua-tung-phong-va-cac-vat-dung-can-thiet-cho-moi-loai-qid399468.html)**

A. Lập bản vẽ mặt bằng của ngôi nhà

B. Xác định số lượng, diện tích của từng phòng và các vật dụng cần thiết cho mỗi loại phòng

C. Xác định kích thước các phòng

D. Lên ý tưởng thiết kế ngôi nhà mà em mong muốn dựa theo những gợi ý.

**[Câu 95. Nội dung báo cáo của dự án gồm có?](https://hoc247.net/cau-hoi-noi-dung-bao-cao-cua-du-an-gom-co-qid399471.html)**

A. Tên dự án B. Các bước thực hiện.

C. Nhiệm vụ được phân công D. Cả 3 đáp án trên

**HẾT**